TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/LĐ-ST
Ngày 29-11-2021
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Cử nhân luật.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 60/2020/TLST-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 11 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Công ty B; trụ sở: Số 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

2. Công ty P; địa chỉ: Số 1191 Lê Đức Thọ, Phường N, quận G, Thành phố H, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm D, tỉnh B, địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Dương Văn T; chức vụ: Nhân viên Bảo hiểm D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020 và 20/11/2020), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Hồng Đ trình bày:

Bà Lê Hồng Đ vào làm việc tại Công ty P (gọi tắt là Công ty P) từ ngày 10/02/2009.Công ty P với bà Đ có ký kết các hợp đồng lao động, tuy nhiên bà chỉ còn giữ một bản hợp đồng đã cung cấp cho Tòa án, còn các hợp đồng khác bà không còn giữ cho nên không thể cung cấp cho Tòa án. Đến tháng 7/2011Công ty P mới bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội cho bà. Địa điểm làm việc ở Chi nhánhCông ty P tại số 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B.

Từ đầu tháng 02/2018Công ty P thông báo cho bà chuyển sang làm việc cho Công ty B (gọi tắt là Công ty P Bình Dương), vẫn tại địa chỉ: số 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B. Bà vớiCông ty P Bình Dương có ký kết các hợp đồng lao động, tuy nhiên công ty đã không giao lại cho bà nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà Đ vẫn đượcCông ty P Bình Dương tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội.

Tháng 9/2019, bà chấm dứt hợp đồng lao động vớiCông ty P Bình Dương, tuy nhiên cảCông ty P vàCông ty P Bình Dương chưa đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà đầy đủ mặc dù hàng tháng các bị đơn vẫn trích từ tiền lương của bà để đóng bảo hiểm.

Do quyền lợi bị ảnh hưởng nên bà Lê Hồng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty P có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 7/2011 đến tháng 01/2018, buộc Công ty B chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên,Công ty P đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà Đ từ tháng 7/2011 đến hết tháng 5/2016 vàCông ty P Bình Dương đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà Đ tháng 02/2018 nên bà Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty P có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 7/2011 đến hết tháng 5/2016 vàCông ty P Bình Dương có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội tháng 02/2018.

Như vậy, bà Đ chỉ yêu cầu Công ty P có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2018 và Công ty B chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 03/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ bảo hiểm xã hội.

- Đối với bị đơn Công ty P và Công ty B:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho các bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không đến Tòa án làm việc,

không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại bản tự khai ngày 20/11/2020 người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm D là anh Dương Văn T trình bày:

Công ty P bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH thị xã D (nay là thành phố D) từ tháng 03/2011, tính đến tháng 9/2020Công ty P còn nợ số tiền 4.181.479.752 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 5/2016.Công ty P tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Đ từ tháng 7/2011 đến tháng 01/2018. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đề nghịCông ty P có trách nhiệm đóng tiền và chốt sổ cho bà từ tháng 06/2016 đến tháng 01/2018.

Công ty B bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH thị xã D (nay là thành phố D) từ tháng 02/2018, tính đến tháng 9/2020Công ty P Bình Dương còn nợ số tiền 3.421.267.453 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018.Công ty P Bình Dương tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Đ từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2019. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đề nghịCông ty P Bình Dương có trách nhiệm đóng tiền và chốt sổ cho bà Đ từ tháng 03/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ BHXH cho bà Đ theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty P có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Đ từ tháng 7/2011 đến hết tháng 5/2016 vàCông ty P Bình Dương có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Đ tháng 02/2018. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và các đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp lao động, cụ thể là "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội". Bị đơn Công ty B có trụ sở tại 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B; đối với bị đơn Công ty P thì nguyên đơn lựa chọn Tòa án giải quyết nơi tổ chức có chi nhánh, đồng thời nơi nguyên đơn làm việc tại số 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b, đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bị đơn Công ty P và Công ty B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Dĩ An có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Nguyên đơn bà Lê Hồng Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu Công ty P có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 7/2011 đến hết tháng 5/2016 vàCông ty P Bình Dương có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội tháng 02/2018. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ các Điều 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp thì có cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau. Quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Quá trình làm việc nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội.

Hết tháng 01/2018, bà Đ chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty P và đến tháng 9/2019, bà Đ chấm dứt hợp đồng với Công ty B. Việc chấm đứt hợp đồng lao động là tự nguyện, tuy nhiên, Công ty P và Công ty B không hoàn tất thủ tục để chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Đ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội Dĩ An xác nhậnCông ty P có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Đ từ tháng 7/2011 đến tháng 01/2018 (Công ty Phạm Tôn đã nộp tiền bảo hiểm xã hội

cho đến hết tháng 5/2016);Công ty P Bình Dương tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Đ từ tháng 02/2018 đến tháng 9/2019 (Công ty Phạm Tôn Bình Dương đã nộp tiền bảo hiểm xã hội tháng 02/2018), thời gian còn lại bị đơn đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nên chưa thể chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc các bị đơn đã trừ tiền lương hàng tháng của nguyên đơn nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi, hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 21 và là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; khoản 2 và khoản 3 Điều 47 Bộ Luật lao động nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có đủ sơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến đề xuất giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Hồng Đ không phải chịu. Bị đơn Công ty P và Công ty B phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 144, 147, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; căn cứ Điều 19 và Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hồng Đ về việc yêu cầu bị đơn Công ty P xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2011 đến hết tháng 5/2016 và Công ty B xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội tháng 02/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hồng Đ đối với bị đơn Công ty P và bị đơn Công ty B về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội":

2.1. Buộc Công ty P phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Lê Hồng Đ từ tháng 6/2016 đến tháng 01/2018.

2.2. Buộc Công ty B phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Lê Hồng Đ từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2019 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Lê Hồng Đ.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Bà Lê Hồng Đ không phải chịu.

- Công ty P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Công ty B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy